

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 394/2022/DS-ST
Ngày: 08-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Thanh Tâm.

Bà Võ Phương Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa:
Ông Trương Hoài Ninh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 448/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 277/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 208/2022/QĐST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Địa chỉ: đường N, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Hứa Thị Phương K, sinh năm 1993.
Theo giấy ủy quyền số 1220/UQ-QLN.22 ngày 04/7/2022.

- Bị đơn: bà Nguyễn Thanh H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: đường H, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Tại phiên tòa: bà K có mặt; bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp ngày 04/8/2020, bản tự khai và trong quá trình

giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (sau đây gọi tắt là A) do người đại diện theo ủy quyền là bà Hứa Thị Phương K trình bày: ngày 23/5/2013, bà Nguyễn Thanh H có ký với A hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng) về việc sử dụng thẻ tín dụng số 5459 6815 6002 7502, hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 202.547.195 đồng. Bà H đã thanh toán cho A tổng số tiền 207.048.581 đồng, trong đó tiền nợ gốc 191.924.977 đồng, tiền phí 400.000 đồng, tiền lãi 12.302.855 đồng, tiền phạt chậm trả 2.420.749 đồng.

Do bà H không thanh toán đầy đủ cho A theo thông báo giao dịch hàng tháng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 10 của bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A nên ngày 21/12/2017, A đã chuyển khoản nợ thẻ của bà H sang nợ quá hạn và ngày 22/12/2017, A ra thông báo chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của bà Nguyễn Thanh H.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/9/2022), bà H còn nợ A các khoản sau: nợ gốc là 9.622.218 đồng, nợ lãi quá hạn là 20.863.417 đồng.

Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình, A đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thanh H phải trả tổng số tiền còn nợ là 30.485.635 đồng, trong đó số tiền nợ vốn gốc là 9.622.218 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 20.863.417 đồng. Yêu cầu bà H thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục thực hiện việc trả lãi phát sinh từ ngày 09/9/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thanh H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự như: thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; tiến hành xác minh thu thập chứng cứ. Thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy có cơ sở xác định bà Nguyễn Thanh H đã vay tiền A nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ, vi phạm Điều 10, 12 bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và bà Nguyễn Thanh H là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 23/5/2013 thể hiện bà Nguyễn Thanh H có địa chỉ cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ được ghi trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, bị đơn thay đổi địa chỉ nơi cư trú gắn với việc thực hiện nghĩa vụ mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới. Nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Ngân hàng Thương mại Cổ phần A là tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật các Tổ chức Tín dụng và các quy định khác của pháp luật và được phép cấp tín dụng tiêu dùng. Tại thời điểm ký hợp đồng, bà H đã cung cấp các giấy tờ tùy thân, ký tên vào hợp đồng từ đó thể hiện việc ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện và người ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Do đó hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên có hiệu lực.

[4] Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A do bà Nguyễn Thanh H ký ngày 23/5/2013, bảng tính chi tiết quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bảng kê tính lãi, có cơ sở xác định A đã cấp cho bà H thẻ tín dụng số 5459 6815 6002 7502 với hạn mức là 30.000.000 đồng. Bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 202.547.195 đồng. Bà H đã thanh toán cho A tổng số tiền 207.048.581 đồng,

trong đó tiền nợ gốc 191.924.977 đồng, tiền phí 400.000 đồng, tiền lãi 12.302.855 đồng, tiền phạt chậm trả 2.420.749 đồng. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên A đã chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn và khởi kiện là có căn cứ theo thỏa thuận giữa hai bên và phù hợp với khoản 1 Điều 95 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010.

Bị đơn bà Nguyễn Thanh H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền đã trả, số tiền còn nợ A.

[5] Về yêu cầu trả nợ gốc: Xét bà Nguyễn Thanh H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã được các bên thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A. Do đó, A yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả nợ gốc với số tiền 9.622.218 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về yêu cầu trả tiền lãi quá hạn: Số tiền lãi quá hạn A yêu cầu bà H trả được tính dựa vào sự thỏa thuận giữa các bên tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010. Do đó, yêu cầu của A về việc buộc bà H có nghĩa vụ trả số tiền nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/9/2022) với số tiền 20.863.417 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của A. Vì vậy, A yêu cầu Tòa án buộc bà H thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét yêu cầu của A về việc yêu cầu bà H tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 09/9/2022 trên số dư nợ gốc thực nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ gốc. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này phù hợp với thỏa thuận của các bên được quy định tại bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của Ngân hàng nên có cơ sở để chấp nhận.

[9] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[10] Về án phí:

- Bà Nguyễn Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần A không phải chịu án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Buộc bà Nguyễn Thanh H trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền nợ gốc là 9.622.218 đồng (chín triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn hai trăm mười tám đồng), số tiền nợ lãi quá hạn là 20.863.417 đồng (hai mươi triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm mười bảy đồng).

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thanh H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.524.282 đồng (một triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm tám mươi hai đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 553.921 đồng (năm trăm năm mươi ba nghìn chín trăm hai mươi một đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0062236 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Minh Tâm